

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**
Số: 10 /2021/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hậu Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên thể thao, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 12 tháng 12 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết quy định chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên thể thao, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên thể thao, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các đối tượng, gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên tập trung tập huấn và thi đấu:

- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh;
- Đội tuyển năng khiếu bán tập trung cấp tỉnh;
- Đội tuyển huyện, thị xã, thành phố và các ngành tỉnh;
- Đội tuyển trẻ huyện, thị xã, thành phố;
- Đội tuyển năng khiếu huyện, thị xã, thành phố.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu:

a) Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn.

- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 110.000 đồng/người/ngày.
- Đội tuyển năng khiếu bán tập trung cấp tỉnh: 60.000 đồng/người/ngày.
- Đội tuyển huyện, thị xã, thành phố và các ngành tỉnh: 110.000 đồng/người/ngày.

- Đội tuyển trẻ huyện, thị xã, thành phố: 90.000 đồng/người/ngày.

- Đội tuyển năng khiếu huyện, thị xã, thành phố: 80.000 đồng/người/ngày.

b) Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu.

- Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.
- Đội tuyển huyện, thị xã, thành phố và các ngành tỉnh: 160.000 đồng/người/ngày.
- Đội tuyển trẻ huyện, thị xã, thành phố: 120.000 đồng/người/ngày.
- Đội tuyển năng khiếu huyện, thị xã, thành phố: 110.000 đồng/người/ngày.

c) Thời gian tập trung tập huấn do cấp có thẩm quyền quyết định dựa trên nguồn kinh phí của đơn vị và nhu cầu phát triển cụ thể từng môn. Thời gian thi đấu theo điều lệ cụ thể của từng giải.

d) Tập huấn ở nước ngoài: Là số ngày thực tế theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền trên cơ sở thư mời hoặc hợp đồng đào tạo, tập huấn được ký kết giữa cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo huấn luyện viên, vận động viên thể thao ở trong nước với nước ngoài. Mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên cân đối trong khuôn khổ dự toán ngân sách nhà

nước chỉ cho sự nghiệp thể dục thể thao được cấp có thẩm quyền giao. Trong thời gian tập huấn ở nước ngoài, huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng chế độ quy định tại điểm a khoản này.

đ) Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của địa phương.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Chi từ nguồn sự nghiệp thể dục thể thao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo phân cấp ngân sách.

Điều 3. Nghị quyết này bãi bỏ khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định một số nội dung, mức chi chế độ hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2021. *vt*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TP. HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT *vt*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền